

Số: 243/GPMT-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 06/CTCPBHL ngày 11/9/2024 của Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 07/CV-BHL ngày 12/01/2025 của Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL về việc tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung, giải trình nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT ngày 21/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL (địa chỉ: Khu công nghiệp (KCN) Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La tại Lô CN3.3, Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với các nội dung:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN3.3, Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai

Sơn, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 5500653415 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 02/01/2024. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 368/QĐ-BQL của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 09/5/2024.

1.4. Mã số thuế: 5500653415.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến tinh bột biến tính từ tinh bột sắn.

1.6. Phạm vi quy mô, công suất

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 16.400 m².

- Công suất: 90.000 tấn/năm (*tương đương 300 tấn/ngày*).

- Sản phẩm: Tinh bột xử lý bằng axit (*INS 1401*); tinh bột xử lý bằng kiềm (*INS 1402*) theo TCVN 11471-2016 về tinh bột biến tính.

- Công nghệ sản xuất tinh bột biến tính hóa học bằng phương pháp axit và bazo với xuất xứ công nghệ từ Trung Quốc.

- Thời gian sản xuất: 300 ngày/năm, trung bình 24 giờ/ngày.

- Quy mô: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 02 năm 2025 đến hết ngày 05 tháng 02 năm 2035).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh: Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&CN;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Công ty CP chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 243/GPMT-UBND ngày 05/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường *(do nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp sau trạm xử lý nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La công suất 300 m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B và được đấu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mai Sơn; không xả thải trực tiếp ra môi trường).*

- Đã có chấp thuận đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn tại Công văn số 108/CV-TTĐVTV ngày 19/8/2024 của Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp *(thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp)* về việc chấp thuận điểm đấu nối hệ thống thoát nước thải; thoát nước mặt; cấp nước và đấu nối giao thông dự án Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01 *(nước thải sản xuất từ quá trình chế biến tinh bột biến tính)* được thu gom vào đường ống nước thải HDPE D200 trong dây chuyền sản xuất. Sau đó, nước thải được dẫn vào hệ thống thu gom bên ngoài *(cống HDPE D300, D400)* đưa nước thải về bể thu gom *(dung tích 9m³)* của Trạm xử lý nước thải Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La *(xử lý nước thải đạt QCVN40:2011/BTNMT - Cột B)*. Nước thải sau trạm xử lý được đấu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn *(bằng phương pháp bơm cưỡng bức qua đường ống HDPE D250 dài 226,9m)* qua 01 điểm đấu nối tại lý trình Km 0+263,4 bên phải đường CN3 thuộc Khu công nghiệp Mai Sơn.

Tọa độ điểm đấu nối: X= 2352543,4; Y= 505900,1 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰⁰, múi chiếu 3⁰)*.

- Nguồn số 02 đến nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành và khu vực nhà xưởng sản xuất được xử lý tại bể tự hoại 03 ngăn *(mỗi khu vực 01 bể có dung tích 9m³)*, nước sau bể tự hoại theo ống thoát PVC D110 dẫn vào hệ thống đường ống HDPE D200, cống HDPE D300, D400 về bể thu gom *(dung tích 9m³)* của trạm xử lý nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La.

Nước thải sau trạm xử lý được đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Nguồn số 04 (*nước thải sinh hoạt khu nhà bếp*) được thu gom theo đường ống PVC D110 qua song chắn rác về bể tách dầu mỡ. Nước sau bể tách dầu mỡ theo ống thoát PVC D110 dẫn vào hệ thống đường ống thu gom nước thải HDPE D200, cống HDPE D300, D400 về bể thu gom (*dung tích 9m³*) của trạm xử lý nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La. Nước thải sau trạm xử lý được đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Nguồn số 05 (*nước thải từ quá trình xử lý nước cấp*) được đưa về bể chứa bùn (*thể tích 220 m³*) để tách bùn (*bằng máy ép bùn*). Nước thải theo đường ống HDPE D200, cống HDPE D300, D400 dẫn về bể thu gom (*dung tích 9m³*) của trạm xử lý nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La. Nước thải sau trạm xử lý được đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Nguồn số 06 (*nước thải từ hoạt động rửa tay chân*) qua song chắn rác theo đường ống PVC D110 dẫn về hệ thống thu gom nước thải ống HDPE D200, cống D300, D400 về bể thu gom (*dung tích 9m³*) của trạm xử lý nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La. Nước thải sau trạm xử lý được đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Nguồn số 07 (*nước thải từ hoạt động xử lý khí thải dập bụi của lò đốt*) được bơm theo đường ống HDPE D63 (*lưu động*) về bể thu gom (*dung tích 9m³*) của trạm xử lý nước thải của Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La. Nước thải sau trạm xử lý được đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Nguồn số 08 (*nước thải phòng thí nghiệm*) với lưu lượng 0,7 lít/ngày, được quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

Danh mục hệ thống thu gom nước thải

TT	Vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Ống HDPE D200	M	162	
2	Ống HDPE D250	M	226,9	
3	Cống HDPE D300	M	95	
4	Đế cống HDPE D300	M	95	
5	Cống HDPE D400	M	5	
6	Đế cống HDPE D400	M	5	
7	Hố ga	Hố	14	

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn (*ngăn chứa và* 

lên men → *Ngăn lắng* → *Ngăn lọc*) → trạm xử lý nước thải Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La → đầu nối Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Số lượng: 02 bể tự hoại 03 ngăn (*khu vực nhà điều hành và khu vực nhà xưởng sản xuất*) thể tích mỗi bể 9m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.2.2. Bể tách dầu

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải nhà bếp → song chắn rác → Bể tách dầu 02 ngăn (*ngăn tách mỡ* → *ngăn chứa*) → trạm xử lý nước thải Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La → đầu nối Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Số lượng: 01 bể, thể tích 12 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tổng lượng nước thải đưa về hệ thống xử lý 295,9 m³/ngày.đêm (*nước thải sản xuất 285,5 m³/ngày.đêm; nước thải sinh hoạt 4,68 m³/ngày.đêm, nước thải từ quá trình lọc nước 5 m³/ngày.đêm, nước thải từ quá trình xử lý khí thải 0,72 m³/ngày.đêm*).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Số lượng: 01 trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 300 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit HCl (5%), NaOH (5%), PAC, Polymer A, Clorine, nước cấp (*sử dụng pha hóa chất*).

- Yêu cầu đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B (*hoặc quy chuẩn khác thay thế có hiệu lực thi hành*), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011 /BTNMT - Cột B	Tần suất quan trắc
1	Màu	Pt/Co	150	01 lần/năm
2	pH	-	5,5 đến 9	
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50	
4	COD	mg/L	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100	
6	Tổng xianua	mg/L	0,1	

7	Tổng phenol	mg/L	0,5	
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10	
9	Sunfua	mg/L	0,5	
10	Florua	mg/L	10	
11	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	
12	Tổng nitơ	mg/L	40	
13	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	6	
14	Clorua	mg/L	1000	
15	Clo dư	mg/L	2	
16	Coliform	vi khuẩn /100mL	5.000	

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 bể sự cố dung tích 600m³ (kích thước $D \times W \times H = 15 \times 8 \times 5 \text{m}$) để lưu chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố. Bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép, lán xi măng chống thấm, đủ khả năng lưu chứa nước thải trong 02 ngày.

- Trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị dự phòng: máy bơm, van, đường ống dẫn nước,...

- Thường xuyên huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm xử lý nước thải; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời hỏng hóc, thực hiện duy tu bảo dưỡng định kỳ; thường xuyên kiểm tra hệ thống, bảo trì bảo dưỡng theo hướng dẫn của đơn vị cung cấp, lắp đặt công nghệ xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, sẽ bơm nước thải về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, dự kiến 03 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định của nhà máy.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La công suất 300 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La (*nước thải tại bể thu gom*).

- Nước thải đầu ra sau Trạm xử lý nước thải Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La (*trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 1.2.3 của Phần B Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần B Phụ lục này trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải chế biến tinh bột biến tính. Tuyệt đối không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường.

3.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*). 

3.5. Thực hiện lắp đặt hệ thống camera giám sát tại khu vực xử lý nước thải, hồ lưu chứa nước thải sau xử lý trước đầu nối, khu vực nhà ép bùn và khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường; truyền dữ liệu camera về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Mai Sơn để theo dõi, giám sát; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải, trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mai Sơn để tiếp tục xử lý.

3.8. Yêu cầu Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL chỉ được phép đi vào vận hành, hoạt động chính thức Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La sau khi đã hoàn thành các thủ tục pháp lý, hoàn thành việc đầu nối nước thải với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mai Sơn và Khu công nghiệp Mai Sơn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật. ✖✓

Phụ lục số 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

((Kèm theo Giấy phép môi trường số: 243/GPMT-UBND ngày 05/02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La))

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Lò đốt số 1 cấp nhiệt cho lò hơi số 1.
- Nguồn số 02: Lò đốt số 2 cấp nhiệt cho lò hơi số 2.
- Nguồn số 3: Công đoạn đóng bao thành phẩm tinh bột biến tính.
- Nguồn số 4: Máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải**2.1. Vị trí xả bụi, khí thải**

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với ống khói nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải X: 2352416,2; Y: 505819,5.
- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với ống khói nguồn số 02), tọa độ vị trí xả thải X: 2352407,4; Y: 505824,1.
- Dòng khí thải số 3 (tương ứng với ống thải nguồn số 3), tọa độ vị trí xả thải X: 2352434; Y: 505846.
- Dòng khí thải số 4 (tương ứng với ống thải nguồn số 4), tọa độ vị trí xả thải X: 2352482; Y: 505863.

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi giờ 3^0)

- Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải nằm trong khuôn viên dự án Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La tại Lô CN3.3, Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải lớn nhất $11.429,21 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả thải lớn nhất $11.429,21 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả thải lớn nhất $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Dòng khí thải số 4: Lưu lượng xả thải lớn nhất $2.270 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải

- Phương thức xả: Xả cưỡng bức đối với cả 04 dòng khí thải.
- Thời gian xả thải:

+ Dòng khí thải số 01, 02, 3: Xả liên tục 24/24 giờ. ✓

+ Dòng khí thải số 4: Xả gián đoạn (khi hoạt động phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B, $K_p=1$, $K_v=1,0$ (áp dụng đến ngày 31/12/2031) và QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột A (áp dụng từ ngày 01/01/2032), cụ thể như sau:

- Đối với dòng khí thải số 01 và dòng khí thải số 02:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009 /BTNMT	QCVN 19:2024 /BTNMT	Tần suất quan trắc
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	40	01 lần/năm
2	Amoni và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	15	
3	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	6	
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	500	130	
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000	200	
6	Nitơ Oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	150	

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

- Đối với dòng khí thải số 3

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009 /BTNMT	QCVN 19:2024 /BTNMT	Tần suất quan trắc
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	40	01 lần/năm

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

- Đối với dòng khí thải số 4

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009 /BTNMT	QCVN 19:2024 /BTNMT
1	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	500	130
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000	200
3	Nitơ Oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	150

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 01 và nguồn số 02: Được thu gom bằng quạt hút theo các đường ống thu gom về hệ thống số xử lý khí thải số 01 và 02 để xử lý trước khi xả thải ra môi trường qua ống khói chiều cao 18m, đường kính 0,3m.

- Nguồn số 3: Được thu gom bằng quạt hút, chụp hút theo các đường ống gom D90, D110, D250 bằng thép không rỉ về hệ thống số xử lý khí thải số 3 để xử lý trước khi xả thải ra môi trường qua ống thải chiều cao 2m, đường kính 0,3m.

- Nguồn số 4: Khí thải được xử lý đồng bộ cùng máy phát điện

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Nguồn số 01

- Quy trình công nghệ: Khí thải → thiết bị tách bụi Cyclone → quạt hút → Ventury dập bụi → Bể dập bụi ướt → Ống khói ($D=0,3m$; $H=18m$) → môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 11.429,21 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Nguồn số 02

- Quy trình công nghệ: Khí thải → thiết bị tách bụi Cyclone → quạt hút → Ventury dập bụi → Bể dập bụi ướt → Ống khói ($D=0,3m$; $H=18m$) → môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 11.429,21 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.3. Nguồn số 03

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát ($D=0,3m$; $H=2m$) → môi trường không khí.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.4. Nguồn số 04: Khí thải được xử lý đồng bộ cùng máy phát điện.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, duy tu bảo dưỡng thiết bị, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp hiệu quả xử lý không đạt yêu cầu cần tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời để đảm bảo hoạt động ổn định.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc không có khả năng xử lý đạt yêu cầu, nhà máy sẽ tạm dừng sản xuất và tiến hành sửa chữa, khắc phục và

hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Trang bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, bơm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, dự kiến 03 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định của nhà máy.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt số 01 cấp nhiệt cho lò hơi số 01.
- Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt số 02 cấp nhiệt cho lò hơi số 02.
- Hệ thống xử lý bụi công đoạn đóng bao thành phẩm tinh bột biến tính.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Ống khói của hệ thống xử lý khí thải của lò đốt số 01 cấp nhiệt cho lò hơi số 01 (*dòng khí thải số 01*).

- Ống khói của hệ thống xử lý khí thải của lò đốt số 02 cấp nhiệt cho lò hơi số 02 (*dòng khí thải số 02*).

- Ống thải của hệ thống xử lý bụi công đoạn đóng bao thành phẩm tinh bột biến tính (*dòng khí thải số 03*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử

nghiệm, Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

Phụ lục số 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 243/GPMT-UBND ngày 05/02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: Các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy.
- Nguồn số 02: Hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất.
- Nguồn số 03: Hoạt động của trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Hoạt động của lò đốt.
- Nguồn số 05: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (là nguồn cố định, phân tán hoặc di động) trong khuôn viên dự án Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La tại Lô CN3.3, Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Trang bị các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại nhằm giảm tối đa khả năng phát sinh tiếng ồn.

- Hệ thống máy móc vận hành tại cơ sở được định kỳ bảo dưỡng theo đúng quy trình; yêu cầu công nhân vận hành máy móc theo đúng quy trình kỹ thuật và không hoạt động quá tải; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Trồng cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hỏng hóc. Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất. ✓

Phụ lục số 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 243/GPMT-UBND ngày 05/02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	10	17 02 04
3	Bao bì, vỏ thùng có chứa chất thải nguy hại	Rắn	17	18 01 01
4	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	220	19 05 02
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12
	Tổng		287	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng
1	Bùn từ bể tự hoại 03 ngăn	2,08 m ³ /năm
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp (tiến hành phân tích bùn thải, trường hợp có thành phần nguy hại quản lý theo quy định về chất thải nguy hại)	25 kg/ngày
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (tiến hành phân tích bùn thải, trường hợp có thành phần nguy hại quản lý theo quy định về chất thải nguy hại)	45 kg/ngày
4	Tro than từ lò đốt	4,116 tấn/ngày
5	Chất thải rắn bao bì, thùng hộp	15 kg/ngày
6	Bột sản rơi vãi và từ Hệ thống xử lý bụi công đoạn đóng bao thành phẩm tinh bột biến tính	302,4 – 345,6 kg/ngày

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 33,28 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại có trạng thái tồn tại dạng rắn được phân loại, thu gom và lưu trữ vào 03 thùng chứa 120lít có dán nhãn cảnh báo nguy hại cho từng loại chất thải.

- Chất thải nguy hại có trạng thái tồn tại dạng lỏng được thu gom vào 01 thùng chứa 200lít, có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo nguy hại.

- Nước thải phòng thí nghiệm được lưu chứa trong các can 20lít có nắp vặn chặt tránh đổ tràn, dán nhãn cảnh báo nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí kho lưu chứa diện tích 10m², đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn từ bể tự hoại: Định kỳ hàng năm (*tùy thuộc mức độ sử dụng*) thuê đơn vị chức năng hút bùn bể phốt xử lý theo quy định.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước cấp và xử lý thải tập trung: Bố trí 01 bể chứa bùn thể tích 220m³ và 01 máy ép bùn công suất 12-17 m³/giờ (*bùn đầu vào*). Tiến hành phân tích bùn thải, trường hợp có thành phần nguy hại quản lý theo quy định về chất thải nguy hại. Trường hợp phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ hợp đồng và cung cấp cho đơn vị có đủ chức năng dùng làm nguyên liệu sản xuất phân bón (*trường hợp sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*).

- Tro than từ lò đốt: Bố trí khu vực lưu giữ tro lò đốt diện tích 47,5m² có mái che tránh nắng mưa; nền bê tông chống thấm, gờ chắn để chống tràn đổ ra bên ngoài. Tro than từ lò đốt sẽ hợp đồng và cung cấp cho đơn vị có đủ chức năng dùng làm nguyên liệu sản xuất phân bón (*trường hợp sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*).

- Chất thải công nghiệp thông thường khác: Bố trí khu vực lưu trữ có diện tích khoảng 15m², kết cấu nền xi măng chống thấm nước, tường xây gạch, mái lợp tôn. Bột sản rơi vãi và từ Hệ thống xử lý bụi công đoạn đóng bao thành phẩm tinh bột biến

tính được thu gom chứa vào các bao bì và bán cho đơn vị thu mua có nhu cầu làm thức ăn gia súc. Bao bì hỏng được tái sử dụng hoặc bán phế liệu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng loại 60 lít để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn:

- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng: Thu gom và bán phế liệu.
- Chất thải thực phẩm: Cho người dân xung quanh mang về để chăn nuôi (hoặc chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý).
- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Thu gom tập kết tại khu lưu chứa rác thải sinh hoạt của nhà máy.

2.3.2. Kho lưu chứa: Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 20m², nền bê tông chống thấm, tường gạch, mái lợp tôn, trong khu lưu giữ bố trí 04 xe rác 1m³ để lưu chứa rác thải sinh hoạt. Công ty sẽ ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp để vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại Khu công nghiệp Mai Sơn (đơn vị thu gom, vận chuyển là Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La).

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại các Điều 122, 124, 125 và 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này và Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài

nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

6. Thực hiện đầy đủ phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất, vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ trước khi đi vào vận hành thử nghiệm dự án. 

Phụ lục số 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 243/GPMT-UBND ngày 05/02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, hóa chất, công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về khoảng cách an toàn về lao động, hóa chất, giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; tuân thủ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công và hoạt động sản xuất của dự án được đề ra trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường ✓

trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

8. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.